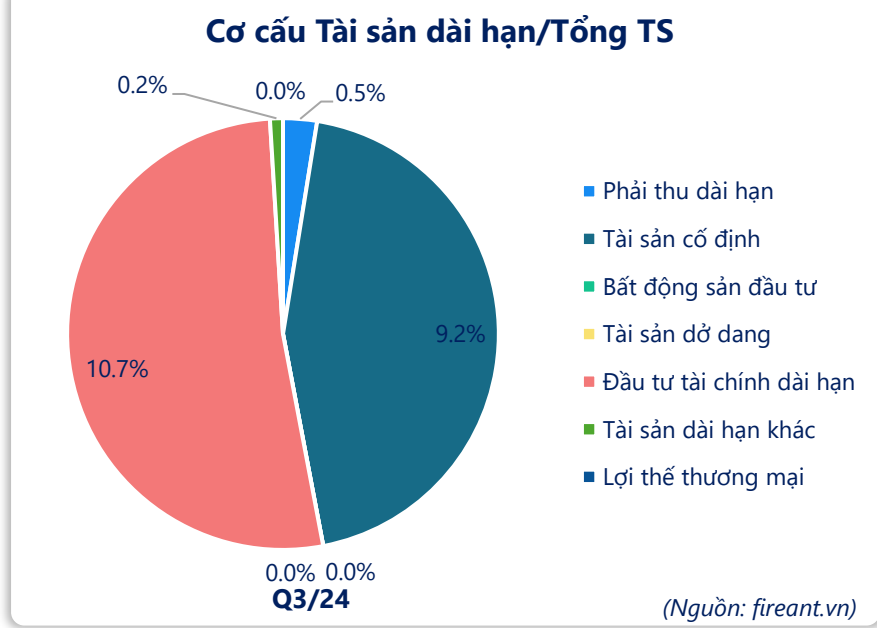
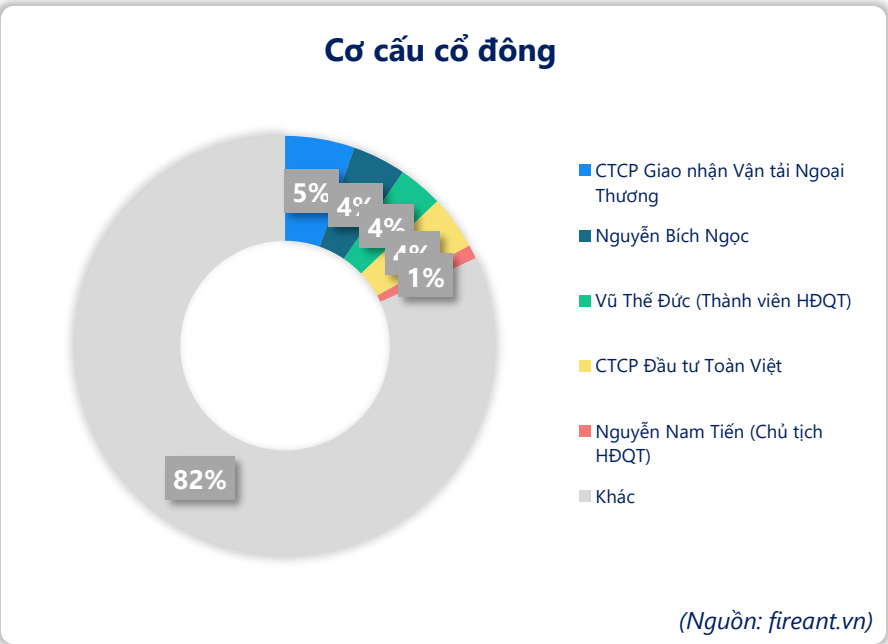
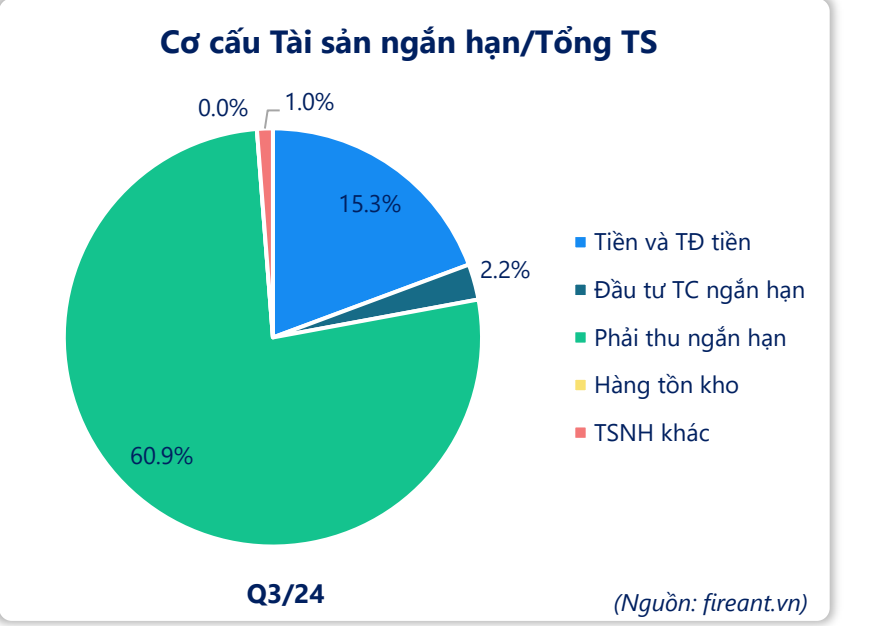
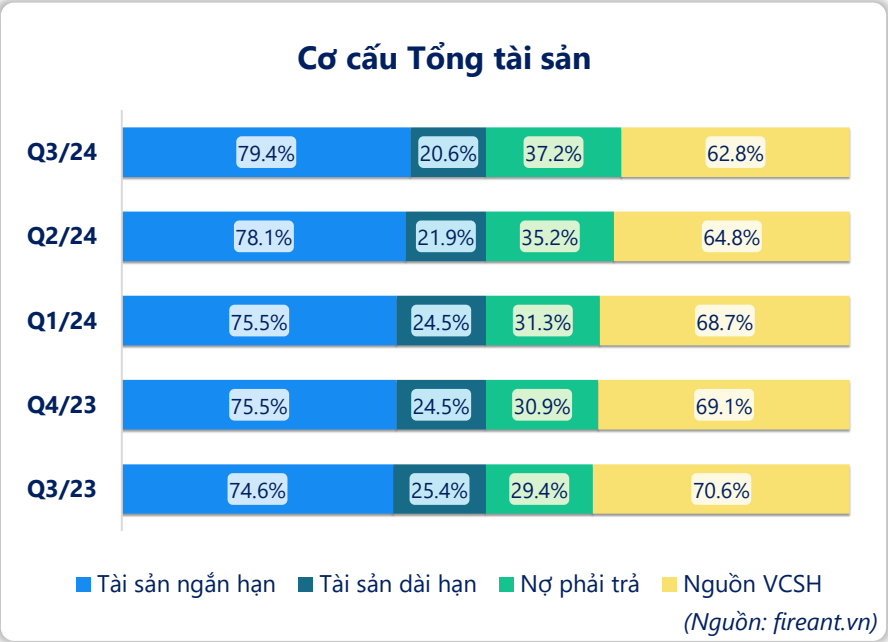
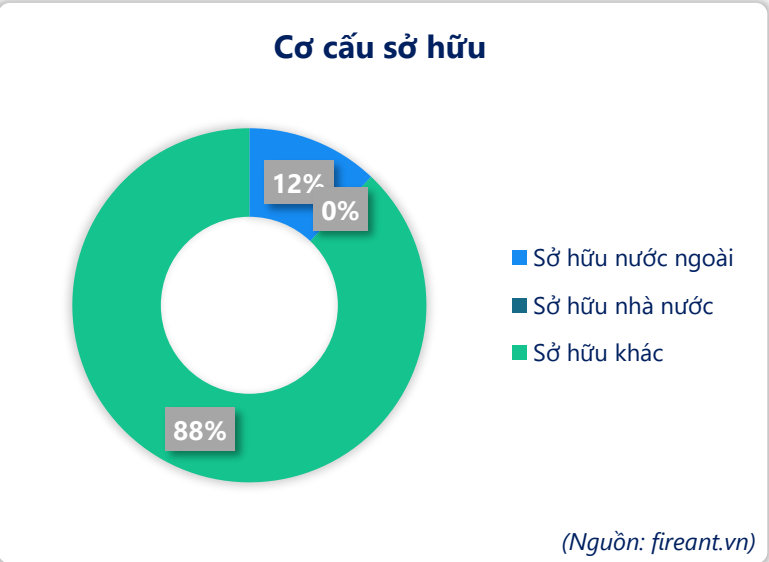
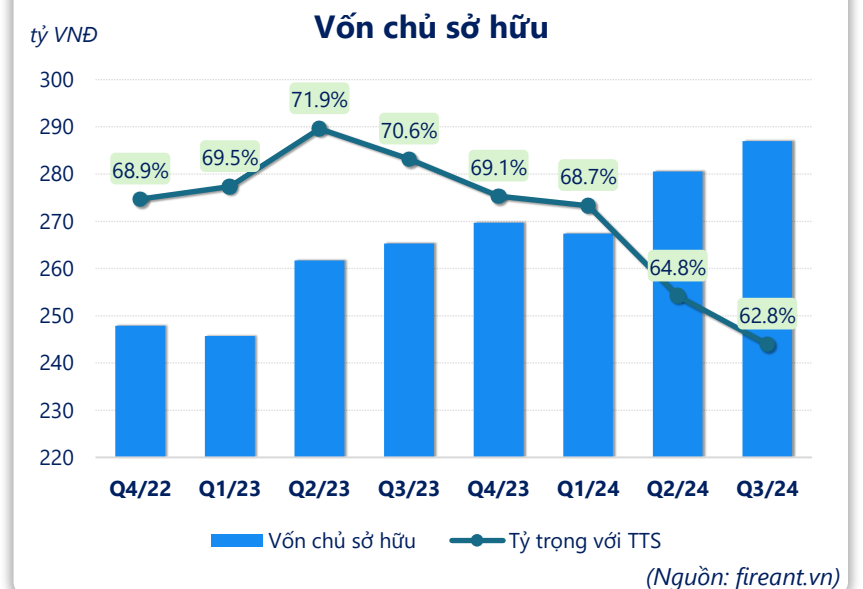
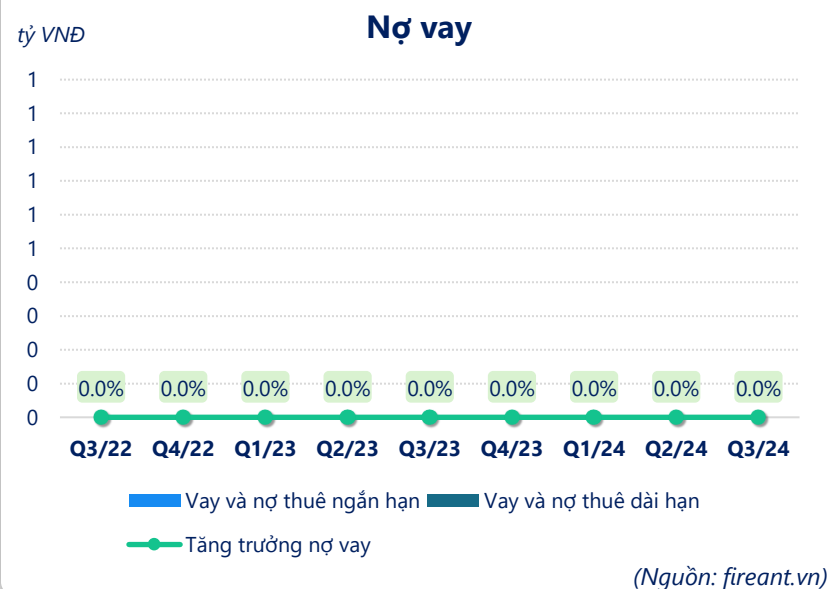
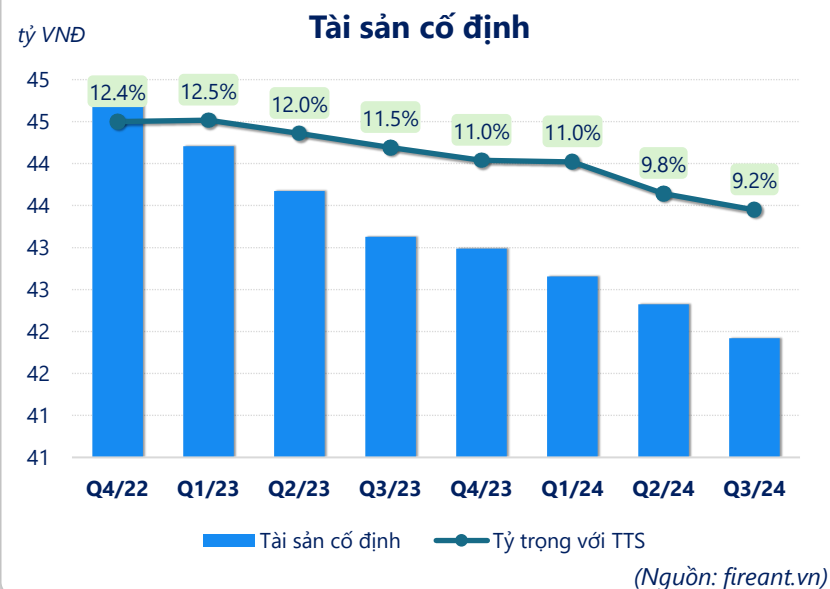
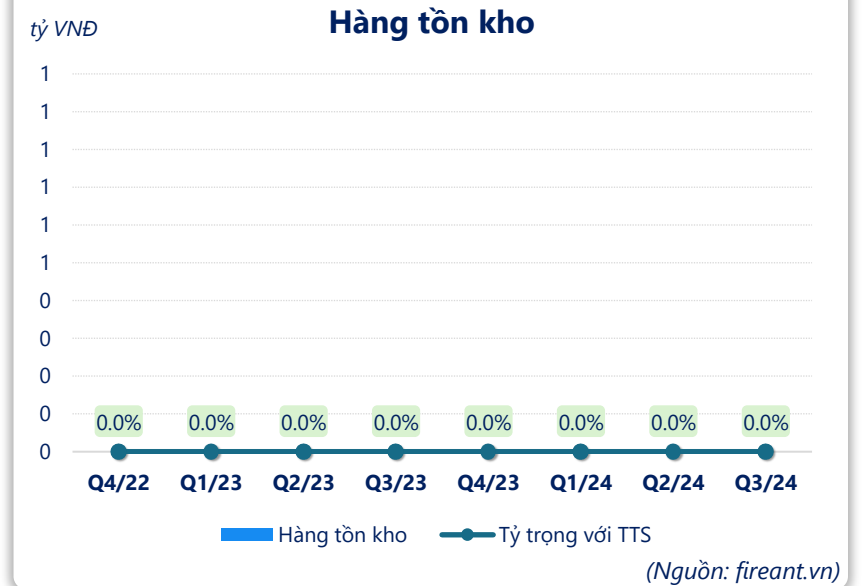
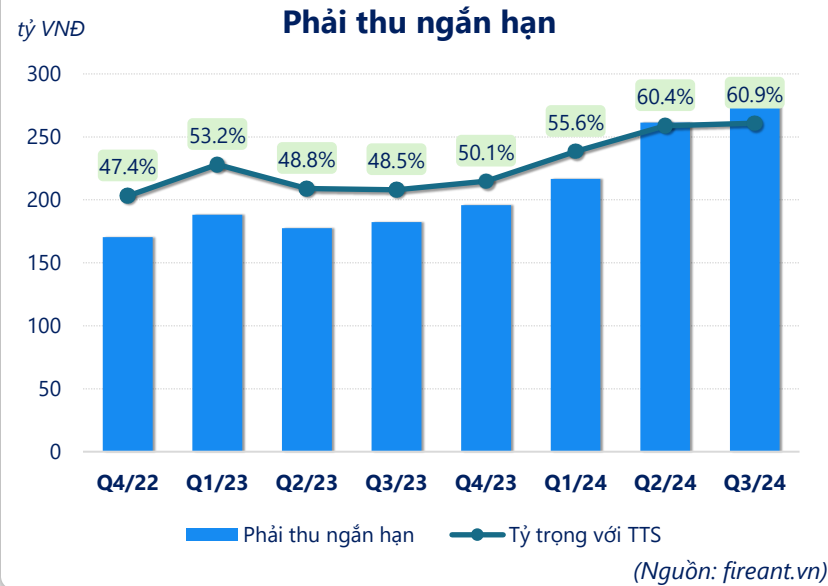
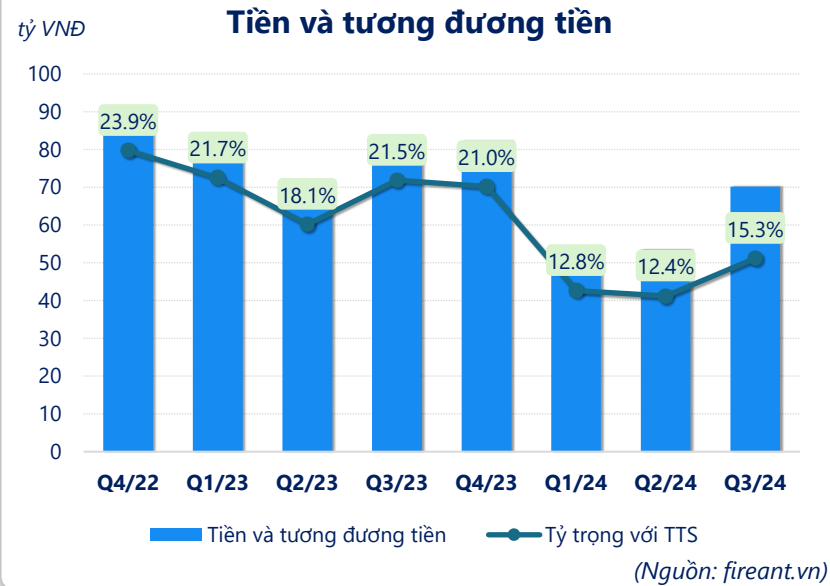
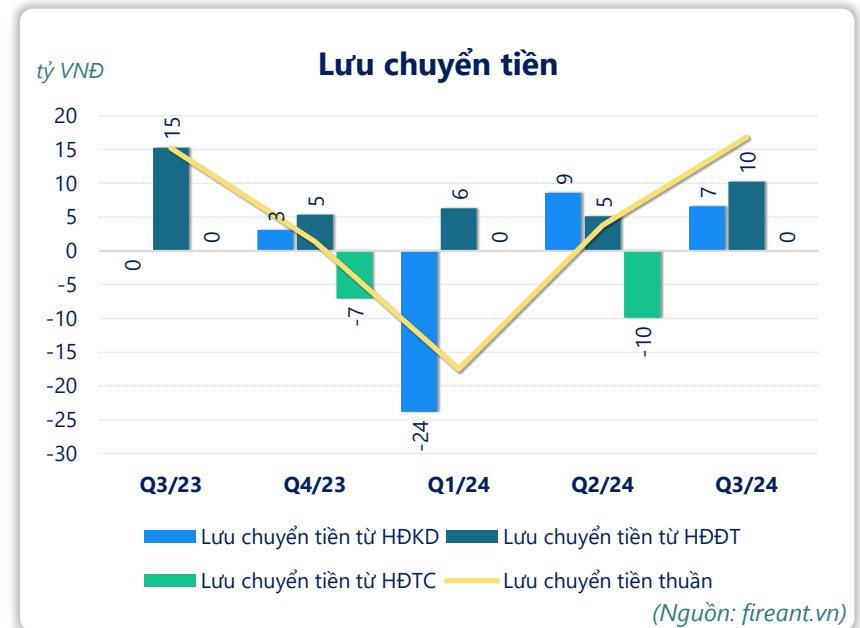
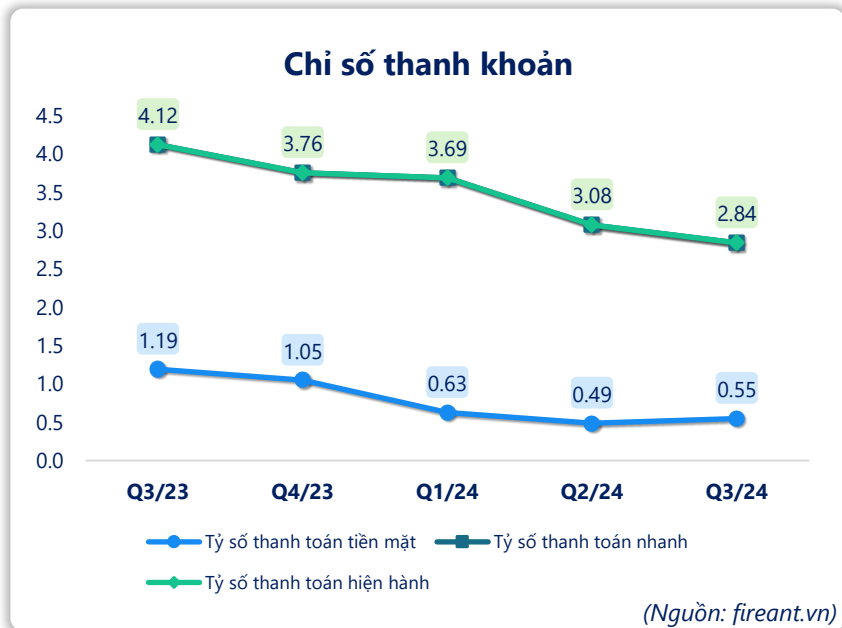
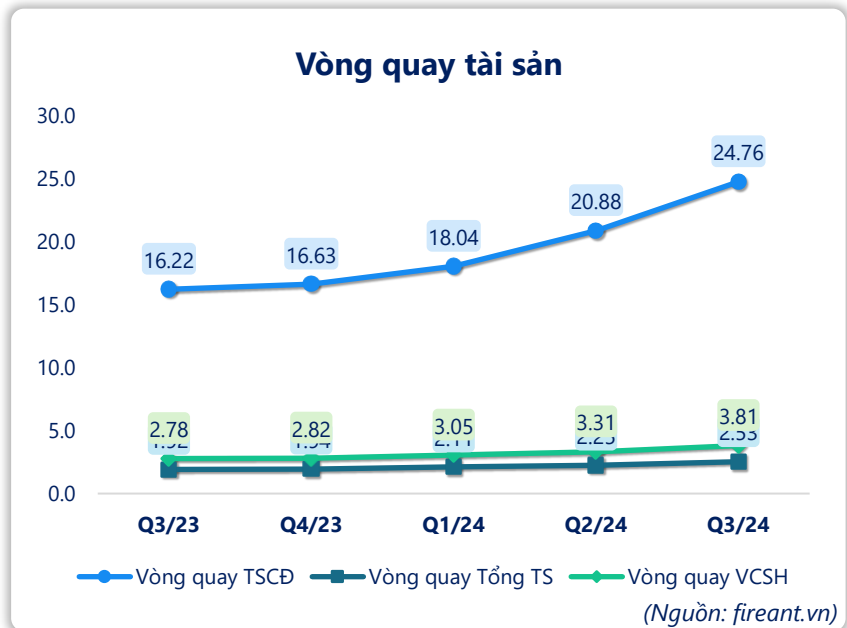
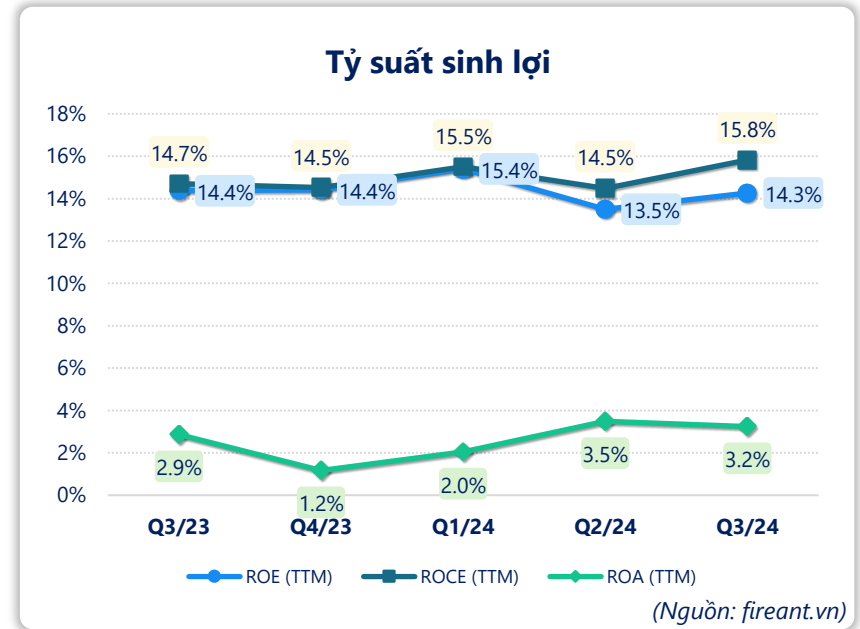
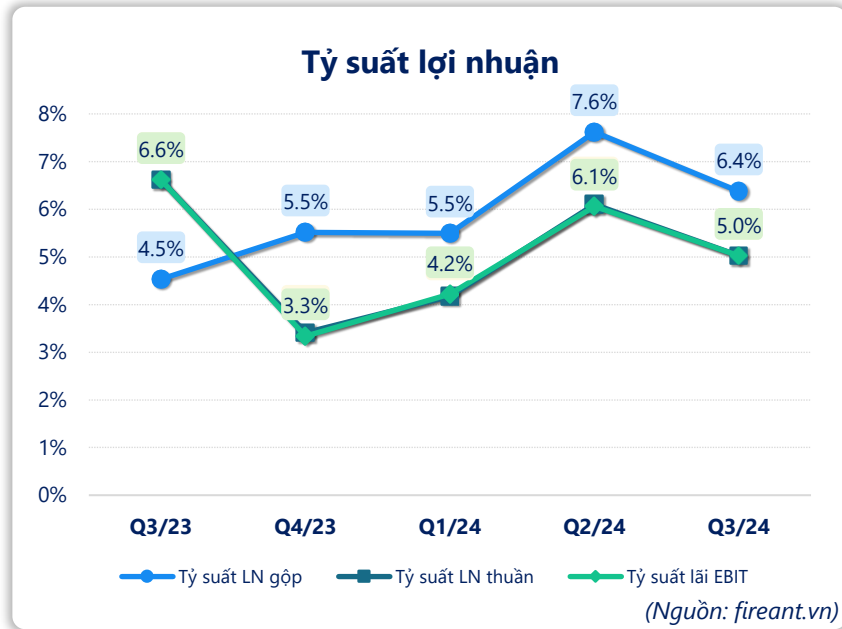
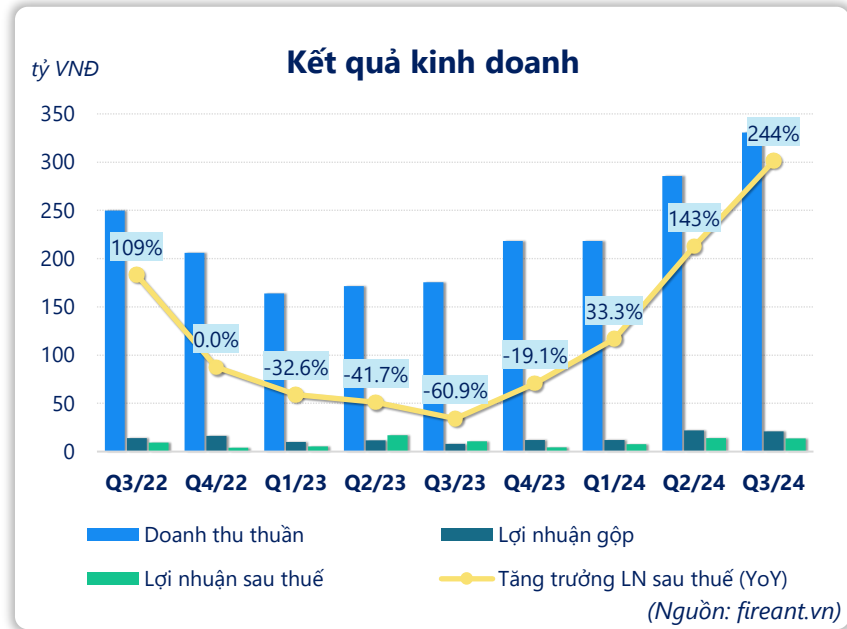


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		16,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,741
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,522
SL cổ phiếu LH		14,140,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,375
% sở hữu nước ngoài		12.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		228
P/E		5.8
EPS		2,786

	YTD	1T	3T	6T
VNL	23.1%	-0.9%	2.1%	18.0%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	457	390	17.0%
Tài sản ngắn hạn	363	295	23.1%
Tiền và tương đương tiền	70.1	67.2	4.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	30.0	-66.7%
Phải thu ngắn hạn	278	196	42.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	4.44	1.85	139%
Tài sản dài hạn	94.3	95.7	-1.5%
Phải thu dài hạn	2.39	2.11	13.5%
Tài sản cố định	41.9	43.0	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.91	1.61	-43.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	170	121	40.7%
Nợ ngắn hạn	128	78.4	62.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	73.9	45.6	62.0%
Nợ dài hạn	42.4	42.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	287	270	6.4%
Vốn chủ sở hữu	287	270	6.4%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	176	218	218	286	331
Giá vốn hàng bán	168	206	206	264	309
Lợi nhuận gộp	7.96	12.0	12.0	21.8	21.1
Doanh thu HĐTC	10.7	5.88	3.70	3.94	3.04
Chi phí TC	1.89	1.23	1.49	2.90	1.13
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.13	9.24	5.08	5.37	6.37
LN thuần từ HĐKD	11.6	7.44	9.11	17.4	16.6
Lợi nhuận khác	0	-0.16	0.10	-0.13	0
LN trước thuế	11.6	7.28	9.21	17.3	16.6
Lợi nhuận sau thuế	10.7	4.38	7.61	13.9	13.5
LNST của CĐ cty mẹ	10.7	4.38	7.61	13.9	13.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	3.07	-23.8	8.55	6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.3	5.36	6.30	5.13	10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-7.07	0	-9.90	0
Tiền đầu kỳ	65.7	80.9	67.2	49.8	53.5
Lưu chuyển tiền thuần	15.2	1.36	-17.5	3.78	16.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.11	0.14	-0.09	-0.17
Tiền cuối kỳ	80.9	82.2	49.8	53.5	70.1

(Nguồn: fireant.vn)